TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-PT
Ngày: 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Bùi Văn T1**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 3/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; vợ: Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1986; con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thị B - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn H có vay của Bùi Văn T1 số tiền 6.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 01/6/2022, Bùi Văn T1 gọi điện thoại cho ông H để đòi số tiền

6.000.000 đồng, sau đó giữa ông H và T1 xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau. Ông H nói với T1: "mày muốn gì xuống đây nói chuyện với tao". Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô đến nhà ông H, trên đường đi T1 nhặt 01 cây leng đã hư hỏng của ông Nguyễn Văn T3 vứt bỏ ngoài đường trước đó. Khi đến nhà ông H, giữa T1 và ông H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau và thách thức đánh nhau, ông H và T1 xông vào đánh nhau bằng tay, sau đó T1 dùng cây leng đập bể cánh cửa kính nhà ông H, T1 và ông H tiếp tục cự cãi nhau, ông H dùng hai tay đẩy T1 ra khỏi nhà, đến thềm ba trước cửa nhà do trượt chân nên ông H và T1 cùng nhau té xuống gần đống dừa khô đã lột vỏ còn hột dừa, ông H và T1 tiếp tục ôm vật, xô xát đánh nhau khoảng 01 phút thì T1 lấy hột dừa khô đánh vào đầu, ngực của ông H gây thương tích cho ông H. Lúc này có ông Trương Thanh H1 là hàng xóm của ông H đến can ngăn, T1 bỏ đi về, ông H1 đưa ông H đi điều trị thương tích. Đến ngày 22/8/2022 sau khi điều trị thương tích xong, ông H đến Công an xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre trình báo sự việc và yêu cầu xử lý Bùi Văn T1 về hành vi dùng hột dừa khô gây thương tích cho mình.

Cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 hột dừa khô, cân nặng 0,8kg, nơi cao nhất 15cm, nơi rộng nhất 12cm;
- 01 lưỡi leng bằng kim loại màu vàng, kích thước 36cm x 23cm, trên lưỡi leng còn dấu vết gãy của cán gỗ bằng tre;
- 01 cán leng bằng gỗ tre bị gãy thành 03 đoạn gồm: đoạn 01 dài 31cm; đoạn 02 dài 55cm; đoạn 03 dài 56cm;
- 01 bàn nào dừa dài 56cm; thân bàn nạo dừa bằng gỗ dài 50cm, lưỡi bàn nạo dừa bằng kim loại có màu đen hình răng cưa, có kích thước 06cm x 0,5cm;
- 01 mũ bảo hiểm loại nữa đầu màu xanh; 01 đôi dép nhựa màu đen (là tài sản của bị can Bùi Văn T1).

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 299-1022/TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn H như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo chân mày trái kích thước nhỏ; Sẹo thái dương phải kích thước nhỏ; Vết sạm da vùng ngực trái kích thước 04cm x 0,2cm; Gãy cung sau xương sườn số 10 bên phải; Gãy thành trước xoang hàm bên trái.

2. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13% (mười ba phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày tác động trực tiếp gây ra.

Tại Kết luận giám định lại lần thứ nhất tổn thương cơ thể trên người sống số

1985/KLTTCT-C09B ngày 22/3/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn H như sau: áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định (Sẹo chân mài trái, kích thước nhỏ: 03%; Sẹo thái dương phải, kích thước nhỏ: 01%; Vết biến đổi sắc tố da ngực trái: 01%; Gảy xương sườn số 10 bên phải: 02%; Nứt xoang hàm trái: 07%) tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là: 13% (mười ba phần trăm).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG ngày 08/12/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện G kết luận như sau: Tổng giá trị thiệt hại của cánh cửa kính mà Bùi Văn T1 dùng Leng đập bể làm hư hỏng vào ngày 01/6/2022 là 370.573 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 26/4/2024 bị cáo Bùi Văn T1 kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo; bị hại Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu cho bị cáo T1 được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phù hợp bản án sơ thẩm đã nêu. Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại làm trong hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng tội. Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị hại yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo, bị hại cho rằng có một phần lỗi, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 09 (chín) tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích", nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo, cho rằng đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, cha bị cáo là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận, đề nghị xem xét cho bị cáo.

Bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo thấy hối hận, yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo để lo cho con nhỏ và cha, mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 01/6/2022, tại thềm ba trước cửa nhà của bị hại Nguyễn Văn H thuộc ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt (bực tức việc bị hại còn thiếu tiền), T1 và ông H cự cãi, xô xát, ôm vật nhau, T1 đã có hành vi sử dụng hột dừa khô đánh vào đầu, ngực của ông H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a "Dùng hung khí nguy hiểm" của khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có bác ruột (ông Bùi Văn Q) có công với đất nước, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là cha của bị cáo bị khuyết tật nặng (có Giấy xác nhận khuyết tật). Giai đoạn phúc thẩm, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các thương tích trên cơ thể của bị hại đều dưới 10%, bị hại kháng cáo yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo vì cho rằng có một phần lỗi do thiếu tiền bị cáo, bị cáo có xin lỗi bị hại, cha bị cáo bị bệnh tật, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn đang nuôi con chưa thành niên. Xét bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T1** 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 26/6/2024.

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải

chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Văn T1 không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- VKSND huyện G (1b);
- Công an huyện G (1b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã H, huyện G (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh